

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1280**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị xã Đức Phổ năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1465/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 về việc phê duyệt Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2013; số 712/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2013;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 16/6/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2011/SNNPTNT-KL ngày 07/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị xã Đức Phổ năm 2020 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ

a) Mục tiêu:

Trong năm 2020 hoàn thành việc giao 48,24 ha rừng tự nhiên gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp hiện do UBND các xã: Phổ Phong, Phổ Khánh và Phổ Châu đang quản lý cho các cộng đồng dân cư để tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

b) Yêu cầu:

- Phạm vi ranh giới khu rừng giao cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư phải phù hợp với kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015.

- Giao rừng phải tiến hành đồng thời với giao đất, đảm bảo sự bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giảm thiểu mâu thuẫn có thể nảy sinh, ưu tiên giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đang nhận khoán bảo vệ rừng để cải thiện đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Phải đánh giá trữ lượng rừng hoặc giá trị đầu tư; đồng thời có thể lồng ghép, phối hợp các chương trình, dự án trên địa bàn với công tác giao rừng để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Vị trí, diện tích các loại đất, loại rừng được giao phải đảm bảo khớp đúng giữa hồ sơ, bản đồ và ngoài thực địa.

- Thiết lập đầy đủ hồ sơ, bản đồ giao rừng, giao đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức bàn giao ngoài thực địa cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

c) Nhiệm vụ:

- Rà soát, thống kê, phân loại và xác định diện tích rừng đã giao, cho thuê, khoán quản lý bảo vệ theo quy định ở các thời kỳ để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giao rừng, cân đối nhu cầu giao rừng cho các chủ quản lý.

- Xác định các đối tượng có nhu cầu nhận rừng; xác định cụ thể các khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên.

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách quy định cụ thể và thống nhất về công tác giao rừng; căn cứ các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong đánh giá tài nguyên rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*trữ lượng, tăng trưởng của rừng, giá trị rừng*); các cơ chế hưởng lợi (*gỗ, lâm sản ngoài gỗ và các giá trị khác của rừng*), cơ chế quản lý, giám sát sau giao rừng.

2. Nội dung giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**a) Quy trình giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Thực hiện theo hướng dẫn tại mục I Chương III Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Trước khi thi công đo đạc diện tích rừng và đất có rừng để xây dựng bản đồ địa chính, phải tiến hành xây dựng phương án kỹ thuật đo đạc, gửi Sở

Tài nguyên và Môi trường thẩm định làm cơ sở tổ chức thi công và nghiệm thu công trình. Sản phẩm bản đồ đo đạc địa chính đất lâm nghiệp sau khi hoàn thiện phải được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định trước khi chuyển sang lập hồ sơ giao rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Công văn số 3538/HD-STNMT ngày 01/12/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về chính lý biến động bản đồ địa chính, trích lục bản đồ chính, trích đo địa chính thửa đất, khu đất.

b) Căn cứ để giao đất:

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thị xã đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong đơn xin giao đất.

c) Thẩm quyền giao rừng, thu hồi rừng:

UBND thị xã quyết định giao rừng, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

d) Đối tượng và hạn mức giao rừng:

- Đối tượng giao rừng: Cộng đồng dân cư.

- Hạn mức giao rừng: Giao theo nhu cầu của cộng đồng dân cư nhưng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt.

Tổng diện tích rừng dự kiến giao cho 06 cộng đồng dân cư là 48,24 ha.

đ) Thời hạn giao rừng:

- Giao rừng phòng hộ cho chủ rừng để quản lý, bảo vệ, sử dụng ổn định lâu dài.

- Giao rừng sản xuất cho chủ rừng để sử dụng ổn định không quá 50 năm.

- Khi hết thời hạn sử dụng rừng, nếu chủ rừng có nhu cầu tiếp tục sử dụng và trong quá trình sử dụng rừng, chủ rừng chấp hành đúng pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng rừng phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thì chủ rừng được xem xét gia hạn sử dụng rừng.

e) Chức năng, loại rừng giao:

- Về chức năng:

+ Rừng sản xuất: 29,88 ha.

+ Rừng phòng hộ: 15,19 ha.

+ Ngoài 03 loại rừng: 3,17 ha

- Về loại rừng, trạng thái rừng: Toàn bộ diện tích rừng dự kiến giao đều là rừng tự nhiên; trong đó:

+ Rừng trung bình: 1,33 ha.

+ Rừng nghèo: 11,38 ha.

+ Rừng nghèo kiệt: 12,83 ha.

+ Rừng phục hồi: 22,70 ha.

f) Phương pháp xác định đặc điểm khu rừng:

Việc đo đếm để xác định đặc điểm khu rừng giao do cơ quan tư vấn chuyên ngành về lâm nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước.

g) Chính sách hưởng lợi của các đối tượng nhận rừng:

Thực hiện theo quy định tại các Điều 21, 27, 28, 30, 31, 70, 88 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

3. Kinh phí đầu tư

a) Tổng dự toán: 261.240.560 đồng (làm tròn: 261.241.000 đồng)

Trong đó:

- Chi phí trực tiếp: 120.466.154 đồng.
- Thu nhập chịu thuế tính trước: 6.625.638 đồng.
- Thuế Giá trị gia tăng: 12.709.179 đồng.
- Chi phí khác: 97.690.446 đồng.
- Dự phòng chi: 23.749.142 đồng.

b) Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách thị xã.

4. Tổ chức thực hiện

UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; Chỉ đạo UBND các xã triển khai thành lập Hội đồng giao rừng cấp xã, tổ chức họp xét chọn đối tượng đủ điều kiện, tổ chức tập huấn công tác giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy CNQSD đất lâm nghiệp.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các xã.

- Hoàn thành công tác giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Chủ tịch

UBND thị xã Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCTTT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNph91.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính